

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TT
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 15/2020/DS-ST

Ngày: 29/5/2020.

V/v “*Tranh chấp Hợp đồng mua bán*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT – TỈNH AN GIANG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Duy Hiếu;

2. Ông Chau Khiêng Sốc.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Chau Chanh Đô Ra là Thư ký Tòa án nhân dân huyện TT.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT tham gia phiên tòa:* Bà Trầm Ngọc Minh Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 193/2019/TLST-DS, ngày 12 tháng 12 năm 2019 về: “*Tranh chấp Hợp đồng mua bán*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐXX- DS ngày 14 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV Trịnh Văn Ph. Địa chỉ: 546, ấp GC, xã LAT, huyện TT, tỉnh An Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn Ph – Chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Tiêu Trọng Ng – Chức vụ: Phó Giám Đốc (Văn bản ủy quyền ngày 03/01/2020) .

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: Tổ 12, ấp GC, xã LAT, huyện TT, tỉnh An Giang.

(*Tại phiên tòa, ông Ng có mặt; bà G vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08/12/2019 với các tài liệu kèm theo và quá trình tố tụng tại tòa, ông Tiêu Trọng Ng – đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty TNHH MTV Trịnh Văn Ph trình bày:

Công ty TNHH MTV Trịnh Văn Ph (gọi tắt là Công ty Ph) có đăng ký doanh nghiệp và được Sở kế hoạch đầu tư tỉnh An Giang cấp chứng nhận Công ty trách nhiệm

hữu hạn Một thành viên, theo đó công ty Ph chuyên kinh doanh và mua bán vật tư nông nghiệp, hàng thủy hải sản.... Vào ngày 17/5/2017 Công ty Ph có bán cho bà Nguyễn Thị G là nông dân canh tác lúa 150 bao phân, với chủng loại giá cả như sau:

+ NPK 30-20-5: 40 bao giá 610.000 đồng/01 bao = 24.400.000 đồng;

+ Lúa 1: 30 bao giá 590.000 đồng/01 bao = 17.700.000 đồng;

+ Lúa 2: 30 bao giá 590.000 đồng/01 bao = 17.700.000 đồng;

+ Lúa 3: 50 bao giá 540.000 đồng/01 bao = 27.000.000 đồng.

Tổng cộng 86.800.000 đồng.

Khi mua hai bên thỏa thuận thu hoạch xong vụ lúa (sau 04 tháng), sẽ thanh toán và không lập hợp đồng mà chỉ lập phiếu giao hàng thể hiện nội dung hàng hóa, giá tiền như trên và bà G ký nhận hàng của Công ty Ph, nhưng thu hoạch lúa xong bà G chỉ trả được 20.000.000 đồng, thể hiện tại phiếu thu ngày 14/10/2017. Còn lại 66.800.000 đồng bà không thanh toán, nhiều lần đòi bà G hẹn mà không trả. Nay Công ty Ph yêu cầu bà G phải trả ngay số tiền trên cùng với lãi suất chậm trả kể từ tháng 10/2017 đến khi xét xử.

*Bà Nguyễn **Thị** G đã được thông báo tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ nhưng bà vắng mặt.*

Tại biên bản lời khai ngày 12/5/2020 bà G trình bày: Thừa nhận vào thời gian trên bà có mua vật tư nông nghiệp là phân bón tại Công ty Ph. Nội dung mua đúng như ông Ng – đại diện theo ủy quyền cho Công ty Ph trình bày, mục đích mua là sử dụng vào canh tác lúa. Khi mua bà có ký nhận số giao hàng của Công ty Ph với tổng cộng thành tiền 86.800.000 đồng và hẹn sau 04 tháng thu hoạch xong lúa sẽ thanh toán, nhưng khi thu hoạch bị lũ lụt nên chỉ trả được 20.000.000 đồng, còn lại 66.800.000 đồng đến nay. Nay bà xin giảm dứt tiền lãi còn vốn thì xin hẹn 03 tháng trả 01 lần bằng 5.000.000 đồng đến khi dứt nợ.

Tại phiên tòa, ông Ng bảo lưu ý kiến của mình. Riêng bà G có đơn xin xét xử vắng mặt.

Quan điểm của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết đúng theo trình tự thủ tục, xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền xét xử. Trong quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự trong vụ án cũng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, vẫn còn một vài vi phạm, nhưng không nghiêm trọng, không ảnh hưởng nội dung vụ án, nên chỉ đề nghị rút kinh nghiệm.

Về nội dung: Bà G thừa nhận có mua phân và còn nợ của Công ty Ph 66.800.000 đồng, nên Công ty Ph kiện là có căn cứ. Bà G xin giảm dứt tiền lãi nhưng không được Công ty Ph đồng ý, nên không có cơ sở chấp nhận. Từ phân tích trên đề nghị HĐXX xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên. HĐXX nhận định:

[1]. Về thủ tục: Bà Nguyễn Thị G đã được triệu tập hợp lệ tham dự phiên tòa, nhưng bà có đơn xin xét xử vắng mặt. HĐXX tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt bà G, theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thời hiệu – thẩm quyền: Hai bên thực hiện mua bán và số nợ còn lại từ tháng 10/2017, kể từ đó Công ty Ph đòi nhiều lần, nhưng bà không trả, nên ngày 08/12/2019 Công ty Ph khởi kiện là còn trong thời hiệu, theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự. Bà G có nơi trú tại xã LAT, huyện TT, nên Tòa án nhân dân huyện TT thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung:

Hợp đồng mua bán giữa hai bên tuy không lập thành văn bản, nhưng tự thỏa thuận nhau trên nguyên tắc tự nguyện phù hợp pháp luật. Quá trình mua bán có ghi sổ giao hàng được hai bên thừa nhận, nên xem là hợp đồng hợp pháp.

Tại biên bản lời khai ngày 12/5/2020, bà G thừa nhận còn nợ Công ty Ph 66.800.000 đồng vốn, nên ông Ph khởi kiện là có căn cứ.

Do thỏa thuận khi mua, hạn thu hoạch xong vụ (sau 04 tháng) tức đến tháng 09/2017 phải thanh toán, nhưng bà G không thực hiện đúng, chứng tỏ đã vi phạm hợp đồng, gây thiệt hại quyền lợi cho Công ty Ph. Tại phiên tòa, Công ty Ph giữ nguyên yêu cầu tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ kể từ tháng 10/2017 là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; tuy nhiên đối với hợp đồng mua bán giữa Công ty Ph với bà G từ đầu không có thỏa thuận về mức lãi, nên HĐXX chỉ áp dụng mức lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự là 10%/năm.

Cụ thể thời gian và lãi suất được tính như sau: Tiền vốn còn nợ 66.800.000 đồng, từ tháng 10/2017 đến nay tháng 5/2020 bằng 31 tháng. Lãi suất 66.800.000 đồng $\times$ 10% $\times$ (31/12) = 17.256.500 đồng.

Tổng cộng vốn lãi bà G phải trả cho Công ty Ph là 66.800.000 đồng + 17.256.500 đồng = 84.056.500 đồng.

Bà G xin trả dần mỗi kỳ 03 tháng 01 lần bằng 5.000.000 đồng là để giai đoạn Thi hành án xem xét.

Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu của Công ty Ph được chấp nhận, nên Công ty Ph không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại tiền tạm ứng án phí mà Công ty Ph đã nộp; bà G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Trịnh Văn Ph.

Buộc bà Nguyễn Thị G phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Trịnh Văn Ph 84.056.500 đồng.

Kể từ khi có đơn yêu cầu Thi hành án, bên phải Thi hành án không thi hành đầy đủ khoản tiền trên thì còn phải chịu lãi, theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, tương ứng với thời gian và khoản tiền chưa thi hành án.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị G phải chịu 4.202.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT hoàn trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Trịnh Văn Ph 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số 0009583 ngày 10/12/2019.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/5/2020), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAT;
- VKS huyện;
- THADS để thi hành.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Vp.

Lê Văn Huệ